

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HÀNH VI ĐẠO ĐỨC SỐ CHO SINH VIÊN TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ: TIẾP CẬN LÝ THUYẾT VÀ ĐỀ XUẤT KHUNG NĂNG LỰC CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Trần Đình Chiến¹,
Nguyễn Nam Phương^{2,+}

¹Trường Đại học Hùng Vương;
²Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
+Tác giả liên hệ • Email: phuongnn@hnue.edu.vn

Article history

Received: 06/11/2025

Accepted: 29/12/2025

Published: 05/3/2026

Keywords

Digital ethics, academic integrity, generative AI, higher education, theoretical approach

ABSTRACT

In the era of digital transformation, digital ethical behavior competence has become one of the important pillars of global citizenship qualities for university students. Grounded in philosophical foundations of ethics, digital citizenship theory, moral development theories, and 21st-century competency frameworks, this study analyzes the foundational bases, legally, scientifically, and practically, for developing a research framework on digital ethics in higher education. Using qualitative research methods, along with synthesis and secondary data analysis, the paper proposes a D-ethics competence framework for university students, with detailed descriptions of competence indicators including (1) Digital ethical awareness, (2) Digital ethical judgment, (3) Ethical behavior in cyberspace, (4) Social responsibility in the digital environment, and (5) Ethical reflective attitude. The article aims to address three research questions: (1) How is the digital ethics competence of university students conceptualized?; (2) What are the theoretical and practical grounds for proposing a framework of digital ethics competence for university students?; (3) In what directions should the implementation of the digital ethics competence framework be carried out in Vietnamese universities?

1. Mở đầu

Trong môi trường giáo dục đại học, sự phát triển của công nghệ đã dẫn đến sự gia tăng của các hành vi vi phạm đạo đức học thuật, như đạo văn, gian lận học thuật qua công nghệ, ứng xử không chuẩn mực trên mạng xã hội và sử dụng AI không minh bạch. Các công cụ AI như ChatGPT đã được sinh viên (SV) sử dụng để tạo ra nội dung học thuật, dẫn đến những thách thức mới trong việc duy trì tính toàn vẹn học thuật (Chan, 2023). Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc sử dụng AI trong học tập có thể làm xói mòn tư duy phản biện và khả năng học tập độc lập của SV (Gerlich, 2025). Việc trang bị năng lực hành vi đạo đức số giúp SV trở thành công dân số có trách nhiệm, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong cả môi trường trực tuyến và ngoại tuyến (Lim và cộng sự, 2023). Tuy nhiên, các nghiên cứu trong các trường đại học Việt Nam chưa tập trung vào khía cạnh đạo đức số, liên chính học thuật (Huynh Phuong Duyen, 2023), chưa có các nghiên cứu chuyên sâu về thang đo các mức độ, biểu hiện năng lực số nói chung, năng lực hành vi đạo đức số, liên chính học thuật của SV đại học.

Phương pháp nghiên cứu cơ bản được thực hiện bằng phân tích số liệu thứ cấp, báo cáo giáo dục các cấp và tại các cơ sở giáo dục đại học, phân tích chính sách và hệ thống dữ liệu liên quan, gồm ba khâu: (1) lựa chọn các nguồn tài liệu tham khảo về lý luận và thực trạng kết quả đạt được; (2) phân tích các nguồn tài liệu, văn bản, dữ liệu; (3) tổng hợp dữ liệu để đề xuất khung tiêu chí năng lực và định hướng triển khai mô hình tại các trường đại học ở Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận của năng lực hành vi đạo đức số của sinh viên đại học

2.1.1. Khái niệm “năng lực hành vi đạo đức số”

Năng lực hành vi đạo đức số là một thành tố quan trọng của năng lực công dân số (digital citizenship), gồm khả năng sử dụng công nghệ kỹ thuật số một cách có trách nhiệm, an toàn và đạo đức trong mọi khía cạnh của đời sống (European Commission, 2022). Trong khuôn khổ tài liệu *Digital Competence Framework for Citizens 2.2 (DigComp 2.2)*, đạo đức số được đặt trong chiều kích liên quan đến nhận thức đạo đức, quyền riêng tư, công bằng, và trách nhiệm xã hội khi sử dụng công nghệ số. Từ góc nhìn tâm lý học và giáo dục học, đạo đức số liên quan đến khả năng

đánh giá và thực hành các phẩm chất đạo đức cốt lõi trong không gian mạng, bao gồm sự trung thực, trách nhiệm, tôn trọng người khác và công bằng (dẫn theo Gardner và Davis, 2013).

Như vậy, từ các quan niệm trên, theo chúng tôi, “năng lực hành vi đạo đức số” có thể được hiểu là “*Tập hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị cho phép cá nhân hành xử một cách có trách nhiệm, trung thực và công bằng trong môi trường kỹ thuật số, đồng thời hiểu và ứng xử phù hợp với các hệ quả đạo đức của hành vi trực tuyến*”.

2.1.2. Các lý thuyết nền tảng của phát triển năng lực hành vi đạo đức số của sinh viên đại học

Nghiên cứu này kế thừa và tích hợp các khung lý thuyết nền tảng từ triết học đạo đức cổ điển đến các lý thuyết hiện đại về giáo dục công dân số và phát triển năng lực. Cụ thể bao gồm: (1) Lý thuyết đạo đức đức hạnh: Khởi nguồn từ Aristotle và được phát triển bởi Alasdair MacIntyre, nhấn mạnh rằng đạo đức không chỉ là hành động đúng/sai, mà là việc phát triển những phẩm chất tốt đẹp (virtues) như trung thực, tôn trọng, trách nhiệm, can đảm - điều này hình thành qua thói quen và rèn luyện trong cộng đồng. Trong bối cảnh số, đạo đức đức hạnh giúp định hướng cho SV không chỉ hành xử đúng mực, mà còn trở thành những công dân số có phẩm chất đạo đức bền vững trong môi trường thiếu kiểm soát (MacIntyre, 2007; Hursthouse, 1999). (2) Lý thuyết công dân số: Được phát triển bởi Mike Ribble và Tổ chức ISTE (International Society for Technology in Education), lý thuyết công dân số xác định chín thành tố nền tảng của công dân số (digital citizenship), bao gồm: quyền truy cập số, thương mại số, truyền thông số, văn hóa hành vi số, luật pháp số, bảo mật và an toàn số, sức khỏe số, và trách nhiệm đạo đức số (Ribble, 2011). (3) Lý thuyết phát triển đạo đức: Kohlberg (1981) đưa ra lý thuyết phát triển đạo đức với 3 cấp độ (pre-conventional, conventional, post-conventional), mỗi cấp gồm 2 giai đoạn, cho thấy quá trình con người phát triển khả năng phán đoán và hành vi đạo đức từ giai đoạn vị lợi đến hành động dựa trên nguyên tắc phổ quát. Việc ứng dụng lý thuyết này trong môi trường số giúp giáo dục SV nâng cao từ mức tuân thủ quy định sang hành vi đạo đức tự thân, phản tư và có trách nhiệm xã hội. (4) Mô hình năng lực thế kỉ XXI của OECD (2018) và UNESCO (2015) xác định những năng lực cốt lõi của công dân toàn cầu, bao gồm: tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, kỹ năng số và năng lực đạo đức/công dân toàn cầu.

Với các tiếp cận và lý thuyết trên, nhóm nghiên cứu nhận thấy năng lực hành vi đạo đức số là một năng lực tích hợp, kết hợp giữa năng lực công nghệ số và năng lực đạo đức/phản tư, góp phần xây dựng con người toàn diện, có khả năng ứng phó với các vấn đề đạo đức mới trong thế giới công nghệ nhanh chóng biến đổi.

2.2. Cơ sở thực tiễn chuyển đổi số của giáo dục đại học Việt Nam

2.2.1. Chính sách quốc gia thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó GD-ĐT là 1 trong 8 lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong triển khai thực hiện, xác định nhiệm vụ: “*Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng tri thức công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến*” (Thủ tướng Chính phủ, 2020). Đặc biệt, trong Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022, Chính phủ đã phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD-ĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030, đặt ra mục tiêu: “*100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia*” (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

2.2.2. Hạ tầng công nghệ, học liệu số và hệ thống học tập điện tử tại các trường đại học ở Việt Nam

Tài liệu “*Readiness of Digital Transformation in Vietnamese Universities*” (British Council, 2022) đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong các trường đại học Việt Nam. Báo cáo nhấn mạnh rằng phần lớn các trường đã đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin, triển khai hệ thống LMS (Learning Management System) và học liệu số. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại sự chênh lệch giữa các trường về kỹ năng số của giảng viên, chất lượng nội dung số, và chính sách hỗ trợ. Trong thực tế triển khai, hầu hết các trường đại học Việt Nam đã bước đầu xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm: hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống quản lý đào tạo (MIS), học liệu số, thư viện điện tử và lớp học trực tuyến (e-learning, blended learning). Theo thống kê của Bộ GD-ĐT (2024), đã hoàn thành xây dựng 100% các cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục, cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học (HEMIS) với 470 cơ sở đào tạo đại học, trên 25.000 chương trình đào tạo, trên 100.000 hồ sơ cán bộ, gần 3 triệu hồ sơ người học, trên 90% các trường đại học công lập và ngoài công lập đã triển khai ít nhất một nền tảng LMS để hỗ trợ giảng dạy. Các hệ thống như Moodle, Google Classroom, Canvas, hoặc các nền tảng nội bộ đang được sử dụng phổ biến. Tuy nhiên, chất

lượng học liệu số, mức độ cập nhật công nghệ, cũng như năng lực sử dụng hệ thống của giảng viên và SV vẫn còn nhiều hạn chế và không đồng đều giữa các trường, các vùng miền.

2.2.3. Thách thức về năng lực công nghệ và hành vi đạo đức số của sinh viên đại học

SV tiếp cận môi trường học tập số với sự tự do cao nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ vi phạm đạo đức học thuật và ứng xử lệch chuẩn. Một số thách thức phổ biến bao gồm các vấn đề như gian lận học thuật trên nền tảng số như đạo văn, sử dụng phần mềm AI để làm bài tập, thuê người làm hộ (Đặng Hùng Vũ và Nguyễn Thành Long, 2021; Nguyễn Vũ Thành Long và cộng sự, 2022; Hoàng Thị Thu Hà và cộng sự, 2023; Nguyen và cộng sự, 2024). Các ứng xử thiếu chuẩn mực trên không gian mạng như bình luận xúc phạm, doạ nạt người khác, chia sẻ thông tin giả, vi phạm quyền riêng tư. Báo cáo của UNICEF Việt Nam (2021) cho thấy có 21% SV đại học từng bị hoặc chứng kiến bạo lực mạng (cyberbullying), dưới các hình thức như lăng mạ, làm nhục, phát tán thông tin sai lệch. Trung tâm Nghiên cứu Truyền thông Xã hội (2022) đưa ra kết quả khảo sát có tới 50% SV thừa nhận rằng họ đã từng chia sẻ thông tin mà không kiểm tra tính xác thực. Đó không chỉ là hành vi thiếu trách nhiệm mà còn vi phạm nghiêm trọng các quy định pháp luật, đặc biệt là trong bối cảnh thông tin có thể gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và sức khỏe cộng đồng (Nguyễn Thanh Sơn, 2023).

2.3. Đề xuất khung năng lực hành vi đạo đức số và định hướng triển khai trong các trường đại học ở Việt Nam

Năng lực hành vi đạo đức số là một cấu trúc đa chiều, không chỉ bao gồm kỹ năng ứng xử đúng đắn trên không gian mạng, mà còn bao hàm sự phát triển toàn diện về nhận thức, lí trí, hành vi, thái độ và trách nhiệm xã hội. Dựa trên tổng hợp lí luận từ các nghiên cứu của Ribble (2011), European Commission (2022), Jones và Mitchell (2016) và các công trình của Gardner và Davis (2013), và căn cứ thực trạng tại Việt Nam phân tích ở trên, có thể xác định 5 thành tố cơ bản cấu thành năng lực hành vi đạo đức số như sau:

(1) Nhận thức đạo đức số: Đây là nền tảng đầu tiên của năng lực hành vi đạo đức số, thể hiện ở khả năng nhận diện các tình huống có yếu tố đạo đức trong môi trường kĩ thuật số. Người học cần phân biệt được hành vi đúng/sai, nhận ra hậu quả tiềm ẩn về đạo đức khi chia sẻ thông tin, bình luận, hoặc sử dụng công nghệ. Theo Ribble (2011), nhận thức này đóng vai trò như “chiếc la bàn đạo đức” để định hướng hành vi cá nhân khi thiếu sự kiểm soát trực tiếp.

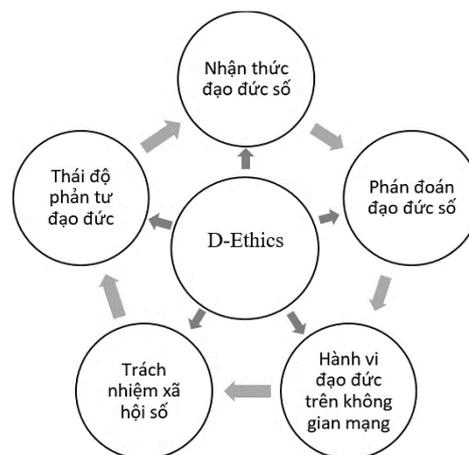
(2) Phán đoán đạo đức số: Là khả năng suy luận và đưa ra quyết định đạo đức trong tình huống phức tạp trên môi trường số. SV cần vận dụng tư duy phản biện và hệ giá trị cá nhân để đánh giá đúng sai, cân nhắc giữa lợi ích, rủi ro và trách nhiệm trong các lựa chọn hành vi. Theo Gardner và Davis (2013), đây là năng lực trung tâm để hình thành phán đoán đạo đức độc lập và không lệ thuộc vào “chuẩn số đông” trong cộng đồng mạng.

(3) Hành vi đạo đức trên không gian mạng: Thể hiện qua hành vi cụ thể khi tham gia môi trường số: tôn trọng người khác, không đạo văn, không bắt nạt, không lan truyền thông tin sai lệch, tôn trọng quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo Jones và Mitchell (2016), việc chuyển từ nhận thức sang hành động đạo đức phụ thuộc vào việc được giáo dục thực hành cụ thể và phản xạ xã hội phù hợp.

(4) Trách nhiệm xã hội trong môi trường số: Là năng lực gắn kết hành vi cá nhân với trách nhiệm xã hội trong không gian mạng: bảo vệ cộng đồng, lên tiếng trước các hành vi sai trái, và chủ động góp phần xây dựng môi trường mạng văn minh, an toàn. Theo European Commission (2022), đây là yếu tố chuyển hóa đạo đức từ mức độ cá nhân sang mức độ cộng đồng - một năng lực công dân số cần được nuôi dưỡng trong giáo dục đại học.

(5) Thái độ phản tư đạo đức: Là khả năng tự đánh giá hành vi và thái độ đạo đức của bản thân trong môi trường số, học từ sai lầm, sẵn sàng điều chỉnh nhận thức và hành vi để hoàn thiện bản thân. Theo Bebeau và Monson (2012), đây là năng lực đặc trưng cho những cá nhân có đạo đức phát triển ở mức cao, có khả năng học hỏi từ trải nghiệm đạo đức và chuyển hóa thành định hướng hành vi lâu dài.

Theo đó, khung chỉ báo năng lực hành vi đạo đức số cho SV đại học Việt Nam được đưa ra ở bảng 1 và mô tả các mức độ theo thang Likert 5 mức độ của năng lực, từ “rất hạn chế” tới “thành thạo”. Khung năng lực hành vi đạo đức số của SV đại học Việt Nam trong bảng 1 thể hiện sự kế thừa và phát triển từ các mô hình lí luận quốc tế như của Ribble (2011), Gardner và Davis (2013), Jones và Mitchell (2016) và European Commission (2022). Điểm nổi



Hình 1. Khung năng lực hành vi đạo đức số D-Ethics của SV (Nguồn: Tác giả)

bật là việc áp dụng thang đo Likert 5 mức độ, giúp định lượng và theo dõi sự phát triển năng lực qua các cấp độ từ “rất hạn chế” đến “thành thạo”, thuận lợi cho các trường đại học Việt Nam triển khai đánh giá, bồi dưỡng và quản lý hành vi đạo đức số một cách hệ thống, đồng thời mở rộng khả năng so sánh và học hỏi kinh nghiệm quốc tế.

Bảng 1. Các chỉ báo trong khung năng lực hành vi đạo đức số của SV đại học ở Việt Nam

Thành tố năng lực	Mức 1 (Rất hạn chế)	Mức 2 (Hạn chế)	Mức 3 (Trung bình)	Mức 4 (Khá)	Mức 5 (Thành thạo)
1. Nhận thức đạo đức số	Không nhận ra được các vấn đề đạo đức cơ bản trong môi trường số	Nhận diện được một số hành vi sai nhưng chưa hiểu rõ hậu quả	Hiểu được một số nguyên tắc đạo đức trong môi trường số	Nhận thức rõ đa dạng vấn đề đạo đức số và nguyên nhân	Nhận thức toàn diện, sâu sắc, có khả năng phân tích vấn đề đạo đức số phức tạp
2. Phán đoán đạo đức số	Không có căn cứ rõ ràng khi đánh giá hành vi đạo đức	Phán đoán cảm tính, thiếu nhất quán	Biết cân nhắc đúng/sai dựa trên quy tắc	Có khả năng lí giải hành vi đúng sai theo chuẩn mực	Phân tích logic và biện minh đạo đức dựa trên nguyên lí đạo đức rõ ràng
3. Hành vi đạo đức số	Thường xuyên vi phạm chuẩn mực (đạo văn, gian lận, ứng xử thiếu tôn trọng)	Thi thoảng vi phạm, chưa nhận thức đầy đủ hậu quả	Tuân thủ các chuẩn mực khi được yêu cầu	Chủ động hành xử đúng chuẩn mực trong đa dạng bối cảnh	Guang mẫu, ảnh hưởng tích cực đến hành vi của người khác
4. Trách nhiệm xã hội số	Không quan tâm đến quyền lợi và dữ liệu người khác	Thụ động, thiếu trách nhiệm với cộng đồng số	Có trách nhiệm cá nhân trong hành vi số	Chủ động tham gia xây dựng môi trường số lành mạnh	Tích cực dẫn dắt, góp phần cải thiện đạo đức số cho cộng đồng
5. Thái độ phản tư đạo đức	Không xem xét hay suy ngẫm về hành vi đạo đức của bản thân	Có phản ứng khi bị phê bình nhưng không cải thiện	Bắt đầu suy ngẫm sau khi hành vi xảy ra	Thường xuyên tự đánh giá và điều chỉnh hành vi đạo đức	Luôn chủ động phản tư, cải tiến hành vi và định hướng phát triển đạo đức cá nhân lâu dài

Trong bối cảnh chuyển đổi số sâu rộng, việc triển khai khung năng lực hành vi đạo đức số cho SV đại học có thể được triển khai theo một số định hướng và giải pháp sau: *Thứ nhất*, lồng ghép vào chương trình đào tạo chính quy các học phần như Kỹ năng sống, Tin học đại cương, Công nghệ thông tin trong giáo dục, Pháp luật đại cương, Đạo đức học ứng dụng. Ngoài ra, có thể thiết kế một học phần chuyên đề về đạo đức số (Digital Ethics) như một phần của chương trình kỹ năng mềm hoặc giáo dục công dân số để được giảng dạy xuyên suốt trong các năm học; *Thứ hai*, xây dựng hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm hành vi đạo đức số thông qua các workshop, diễn đàn SV, cuộc thi sáng kiến hành vi đạo đức số, các chủ đề hấp dẫn như đạo văn, sử dụng AI, quyền riêng tư, bắt nạt trên không gian mạng; *Thứ ba*, tăng cường vai trò của giảng viên như người cố vấn hành vi đạo đức số thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn cho giảng viên, SV về năng lực số và hành vi đạo đức số; *Thứ tư*, thiết kế và sử dụng công cụ đánh giá năng lực hành vi đạo đức số (từ mô hình D-Ethics) để khảo sát định kỳ và theo dõi sự phát triển năng lực đạo đức của SV; *Thứ năm*, xây dựng và đề xuất chính sách học thuật minh bạch, và có hướng dẫn cụ thể. Cần có cơ chế giám sát, tư vấn và xử lý phù hợp với các hành vi vi phạm đạo đức học thuật; *Thứ sáu*, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và chia sẻ thực hành giáo dục đạo đức số: Tham gia các dự án quốc tế về giáo dục đạo đức số, công dân số, giáo dục AI có trách nhiệm (AI Literacy & Ethics), nhằm cập nhật các chuẩn mực mới và học hỏi kinh nghiệm triển khai.

3. Kết luận

Trong thời đại chuyển đổi số, năng lực hành vi đạo đức số đã và đang trở thành một trong những trụ cột quan trọng của phẩm chất công dân toàn cầu cho SV đại học. Giáo dục trong môi trường số đặt ra những yêu cầu mới, cả về nhận thức, hành vi và trách nhiệm xã hội. SV cần được trang bị năng lực hành vi đạo đức số như một nền tảng để sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm, tôn trọng quyền riêng tư, chống lại các hành vi gian lận học thuật, bạo lực mạng. Do đó, việc xây dựng các mô hình lí luận và thực tiễn nhằm phát triển năng lực hành vi đạo đức số là một yêu cầu cấp thiết. Mặc dù bài báo thực hiện giai đoạn đầu tiên của nghiên cứu dài hơi, là xây dựng cơ sở lí luận và phân tích tổng quan, kết quả nghiên cứu bài báo đặt nền tảng cho các nghiên cứu thực hành và thực tiễn tiếp theo, đề xuất và triển khai chính sách về giáo dục trên không gian mạng, các yêu cầu về đạo đức số, năng lực hành vi đạo đức số của SV đại học.

Lời cảm ơn: Bài báo sử dụng kết quả nghiên cứu trong Đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở “Phát triển mô hình giáo dục năng lực hành vi đạo đức số cho sinh viên đại học theo tiếp cận lí thuyết giáo dục đạo đức hiện đại” (mã số HV04.2025, chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Đình Chiến).

Tài liệu tham khảo

- Bebeau, M. J., & Monson, V. E. (2012). Professional identity formation and transformation across the life span. In A. McKee & M. Eraut (Eds.), *Learning trajectories, innovation and identity for professional development* (pp. 135-162). Springer.
- Bộ GD-ĐT (2024). *Báo cáo sơ kết công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=9559>
- British Council (2022). *Readiness of digital transformation in Vietnamese universities*. https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/report_readiness_of_digital_transformation_in_vietnamese_universities.pdf
- Chan, C. K. Y. (2023). *Is AI changing the rules of academic misconduct? An in-depth look at students' perceptions of "AI-giarism"*. arXiv. <https://arxiv.org/abs/2306.03358>
- Đặng Hùng Vũ, Nguyễn Thành Long (2021). Đánh giá liên chính học thuật của sinh viên qua nhận thức của sinh viên về môi trường học thuật và hành vi không trung thực học thuật. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 16(1), 46-63. <http://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.16.1.1389.2021>
- European Commission (2022). *The Digital Competence Framework for Citizens 2.2 (DigComp 2.2)*. Publications Office of the European Union. <https://data.europa.eu/doi/10.2760/115376>
- Gardner, H., & Davis, K. (2013). *The app generation: How today's youth navigate identity, intimacy, and imagination in a digital world*. Yale University Press.
- Gerlich, M. (2025). AI tools in society: Impacts on cognitive offloading and the future of critical thinking. *Societies*, 15(1), 45-60. <https://doi.org/10.3390/soc15010006>
- Hoàng Thị Thu Hà, Lê Phương Huyền, Nguyễn Lê Khanh, Đào Thị Mỹ Lệ, Nguyễn Thị Nga (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến "liên chính học thuật" của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học. *Tạp chí Giáo dục*, 23(12), 29-33. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/796>
- Hursthouse, R. (1999). *On virtue ethics*. Oxford University Press.
- Huynh Phuong Duyen (2023). Model of digital competence of students at higher education institutions: Survey at Nha Trang University. *Multidisciplinary Research Journal*, 3(5), 45-56.
- Jones, L. M., & Mitchell, K. J. (2016). Defining and measuring youth digital citizenship. *New Media & Society*, 18(9), 2063-2079. <https://doi.org/10.1177/1461444815577797>
- Kohlberg, L. (1981). *The philosophy of moral development: Moral stages and the idea of justice*. Harper & Row.
- Lim, S., Tan, M., & Lee, J. (2023). Generative AI and the future of higher education: A threat to academic integrity? *Educational Technology Journal*, 28(4), 112-130.
- MacIntyre, A. (2007). *After virtue: A study in moral theory* (3rd ed.). University of Notre Dame Press.
- Nguyen, Hung Manh, Goto & Daisaku (2024). Unmasking academic cheating behavior in the artificial intelligence era: Evidence from Vietnamese undergraduates. *Education and Information Technologies*, 29, 15999-16025. <https://doi.org/10.1007/s10639-024-12495-4>
- Nguyễn Thanh Sơn (2023). Trách nhiệm pháp lý trong việc chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. *Tạp chí Pháp luật Việt Nam*, 9, 20-22.
- Nguyễn Vũ Thành Long, Đặng Hùng Vũ, Lê Thị Thiên Hương (2022). Nhận thức và hành vi vi phạm liên chính học thuật của sinh viên tại một trường đại học ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 245, 54-68.
- OECD (2018). *The future of education and skills: Education 2030 framework*. OECD Publishing.
- OECD (2021). *21st-century readers: Developing literacy skills in a digital world*. OECD Publishing.
- Ribble, M. (2011). *Digital citizenship in schools: Nine elements all students should know* (2nd ed.). International Society for Technology in Education.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 ban hành Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030*.
- Trung tâm Nghiên cứu Truyền thông Xã hội (2022). *Khảo sát về hành vi chia sẻ thông tin của sinh viên Việt Nam trên mạng xã hội*. NXB Thông tin và Truyền thông.
- UNESCO (2015). *Global citizenship education: Topics and learning objectives*. UNESCO Publishing.
- UNESCO (2023). *Guidelines for the governance of generative AI in education and research*. Paris: UNESCO.
- UNICEF (2021). *Online violence against children in Vietnam: A national study*. UNICEF Vietnam.